

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: **108/2023/HC-ST**

Ngày: 25-7-2023

“V/v: khiếu kiện QĐHC trong lĩnh
vực quản lý đất đai”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Thu Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Như Âm.
2. Bà Bùi Thị Kim Nga.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thê – Thẩm tra viên TAND tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Hải Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính sơ thẩm thụ lý số 33/2023/TLST-HC ngày 08/02/2023, về việc: “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 115/2023/QĐXXST-HC ngày 06/6/2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 101/2023/QĐST-HC ngày 04/7/2023, giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Ông Nguyễn Quang T, địa chỉ: 126/57 đường Y, phường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Bà Mai Thị Ngọc A, sinh năm 1995, địa chỉ: Số 27 đường X, phường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Văn bản ủy quyền đề ngày 22/02/2023), có mặt.

2. *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân thành phố B; địa chỉ: Số 01 đường Đ, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Đại T1 – Phó chủ tịch UBND thành phố B - Địa chỉ: Số 01 đường Đ, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (văn bản ủy quyền đề ngày 16/02/2023), có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND thành phố B: Ông Trương Văn C - Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B, tỉnh Đắk Lắk và Ông Võ Quang H – Phó Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Cùng địa chỉ: Số 327 đường H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, (ông C vắng mặt, ông H có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:

Ông Nguyễn Quang T là người nhận chuyển nhượng thửa đất số 05, 44, 45, 46 và 47, tờ bản đồ số 40 (Địa chỉ tại: Tổ dân phố 12, phường A, thành phố B) của bà Trần Thị B1. Thửa đất có nguồn gốc năm 1998, bà B1 ký Hợp đồng liên kết trồng cây cà phê với Công ty Chăn nuôi Đ diện tích là 6.700 m², thời hạn 20 năm. Đến năm 2004 Công ty chăn nuôi phá sản. Các tài sản của Công ty Chăn nuôi đều bị đưa ra bán đấu giá theo Quyết định số 02/QĐ-BTS ngày 23/01/2006 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Theo đó, bà B1 đã mua trúng đấu giá tài sản là 02 vườn cà phê (tương đương với 627 cây cà phê). Đến ngày 20/11/2006, bà B1 chuyển nhượng lại 01 vườn cà phê cho ông T với diện tích là 4.700 m². Diện tích đất theo đo đạc thực tế là 4.958,9 m². Ông T đã canh tác trên đất kể từ thời điểm nhận chuyển nhượng cho đến nay.

Vừa qua ông T nhận được Quyết định số 9805/QĐ-UBND ngày 28/11/2022 của Ủy ban nhân dân TP B “*v/v phê duyệt phương án bổ sung hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện phương án hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Xây dựng CSHT khu dân cư TDP 12, phường A, TP BMT (Khu chăn nuôi cũ 6,2ha – Đợt 2)*” (sau đây gọi tắt là Quyết định số 9805/QĐ-UBND). Ông T nhận thấy Quyết định số 9805/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố B không phù hợp quy định của pháp luật bởi lẽ:

- *Đối với đất:* Phần diện tích đất 4.958,9 m² có nguồn gốc là nhận giao khoán của Công ty chăn nuôi năm 1998, sau đó bà B1 mua trúng đấu giá và chuyển nhượng cho ông T, ông T sử dụng ổn định đến nay. Trong suốt thời gian này gia đình ông T đã đầu tư rất nhiều công sức, tiền của để chăm sóc, cải tạo đất, vườn cây và đây là nguồn thu nhập chính của gia đình ông T. Như vậy, căn cứ theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 76 Luật đất đai năm 2013 thì gia đình ông T phải được bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại, và căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 20 của Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/03/2022 của UBND tỉnh Đắk Lắk thì gia đình ông T được hỗ trợ theo loại đất hiện trạng đang sử dụng bằng 80% theo giá đất tại bảng giá đất do UBND tỉnh quy định nhưng UBND thành phố lại không bồi thường, hỗ trợ cho gia đình ông T.

- *Đối với cây trồng và công trình trên đất:* UBND thành phố B không bồi thường, hỗ trợ vì cho rằng các tài sản này được hình thành sau khi có quyết định thu hồi đất số 94/QĐ-UBND ngày 15/01/2007. Tuy nhiên, căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 92 Luật đất đai 2013 thì chỉ không bồi thường đối với các tài sản gắn liền với đất được hình thành sau khi có Thông báo về việc thu hồi đất. Trong trường hợp này, ông T trực tiếp ở và canh tác trên đất nhưng lại không hề

hay biết về việc thu hồi đất, Quyết định thu hồi đất số 94/QĐ-UBND ngày 15/01/2007 của UBND tỉnh Đắk Lắk không gửi cho gia đình ông T, không niêm yết tại trụ sở UBND phường. Vì vậy, UBND thành phố B phải bồi thường toàn bộ giá trị cây trồng và tài sản gắn liền với đất tính đến thời điểm gia đình ông T được biết về việc thu hồi đất.

- *Các khoản hỗ trợ khác:* Theo quy định tại Khoản 2 Điều 83 Luật đất đai năm 2013, khi nhà nước thu hồi đất phải hỗ trợ các khoản sau: Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm, hỗ trợ khác sẽ căn cứ vào tình hình thực tế tại địa phương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định biện pháp hỗ trợ khác để bảo đảm có chỗ ở, ổn định đời sống, sản xuất và công bằng đối với người có đất thu hồi; chi phí bàn giao mặt bằng, chi phí di chuyển tài sản đều không có.

Vì vậy, ông T khởi kiện đề nghị TAND tỉnh Đắk Lắk giải quyết:

- Hủy một phần Quyết định số 9805/QĐ-UBND ngày 28/11/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố B, phần nội dung bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông Nguyễn Quang T.

- Buộc UBND thành phố B phải bồi thường, hỗ trợ lại cho gia đình ông T theo đúng quy định của pháp luật, cụ thể:

+ Đề nghị bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại và hỗ trợ theo loại đất hiện trạng đang sử dụng bằng 80% theo giá đất tại bảng giá đất do UBND tỉnh quy định.

+ Đề nghị bồi thường toàn bộ các công trình kiến trúc, cây trồng trên đất theo bảng tính kinh phí chi tiết bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất mà UBND thành phố B cho rằng tạo lập sau khi có quyết định thu hồi đất.

+ Đề nghị Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm; Hỗ trợ chấp hành tốt bàn giao mặt bằng và hỗ trợ chi phí di chuyển tài sản.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện xin rút yêu cầu bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại và hỗ trợ chi phí di chuyển tài sản.

Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện trình bày:

* *Đối với yêu cầu bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại:* Ngày 15/01/2007 UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 94/QĐ-UBND về việc thu hồi 48.395,7 m² đất của Công ty chế biến nông sản thực phẩm Đ để giao cho UBND thành phố B quản lý theo quy hoạch, kế hoạch và quy định của pháp luật. Hộ Nguyễn Quang T nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ bà Nguyễn Thị B1. Nguồn gốc đất của bà Nguyễn Thị B1 mua thanh lý tài sản bán đấu giá tài sản của Công ty chăn nuôi do Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk tổ chức bán (tài sản bán đấu giá của Công ty Chăn nuôi Đ do phá sản) vào năm 2006. Tài sản

bán đấu giá không bao gồm quyền sử dụng đất nên không được bồi thường về đất theo Điều 82 Luật đất đai năm 2013 và không được bồi thường chi phí đầu tư vào đất theo Điều 76 của Luật đất đai 2013.

** Về vật kiến trúc, cây trồng:* Theo khoản 2 Điều 92 Luật đất đai năm 2013 thì Đối với vật kiến trúc, cây trồng hình thành sau Quyết định thu hồi đất số 94/QĐ-UBND ngày 15/01/2007 của UBND tỉnh Đắk Lắk thì không bồi thường, hỗ trợ.

** Đối với hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm:* Theo quy định tại Khoản 6, Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ thì hộ ông Nguyễn Quang T không thuộc đối tượng được hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm.

Do đó, UBND thành phố B đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xem xét không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Nguyễn Quang T.

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày quan điểm: Đối với các yêu cầu của người khởi kiện thì Ủy ban nhân dân thành phố B đã có ý kiến, viện dẫn các quy định là căn cứ không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện. Ngoài ra, ông Nguyễn Quang T chỉ là người nhận chuyển nhượng vườn cây, không chuyển nhượng quyền sử dụng đất, không phải là người sử dụng đất nên không được hỗ trợ theo loại đất hiện trạng đang sử dụng. Đối với yêu cầu hỗ trợ chấp hành tốt việc bàn giao mặt bằng, theo quy định thì trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận tiền bồi thường người bị thu hồi đất phải bàn giao mặt bằng. Do đó, đối với yêu cầu này thì đề nghị Tòa án xem xét các tài liệu có trong hồ sơ để quyết định.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã tuân thủ và thực hiện đúng với quy định của pháp luật về tố tụng hành chính;

Về nội dung: Ông Nguyễn Quang T là người sử dụng đất liên tục do nhận chuyển nhượng từ bà Nguyễn Thị B1 nên được hỗ trợ theo loại đất hiện trạng đang sử dụng; đối với các tài sản, cây trồng được tạo lập sau năm 2007, nhưng không nhận được Quyết định thu hồi đất hay thông báo của cơ quan có thẩm quyền, nên phải được hỗ trợ theo quy định của pháp luật; về yêu cầu hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất và hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm, thì hộ ông T không thuộc đối tượng hỗ trợ theo khoản 5, khoản 6 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; về hỗ trợ khác: Ông T chấp hành việc thu hồi, nhưng không được hỗ trợ về chi phí bàn giao mặt bằng là không đúng. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quang T; hủy một phần Quyết định số 9805/QĐ-UBND ngày 28/11/2022; Buộc UBND thành phố B phải phê duyệt lại phương

án bồi thường, hỗ trợ cho ông Nguyễn Quang T như nội dung đã phân tích. Đối với các yêu cầu đã rút tại phiên tòa thì đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các đương sự và của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Ngày 28/11/2022, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 9805/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bổ sung hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện phương án hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư Tổ dân phố 12, phường A, thành phố B (Khu chăn nuôi cũ 6,2ha – Đợt 2), trong đó có hộ ông Nguyễn Quang T – sau đây viết tắt là quyết định số 9805/QĐ-UBND. Ngày 05/01/2023, ông Nguyễn Quang T gửi đơn khởi kiện yêu cầu hủy một phần Quyết định số 9805/QĐ-UBND là trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32 của Luật Tố tụng hành chính.

[1.2] Đối với người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện vắng mặt tại phiên tòa, nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về nội dung buộc UBND thành phố B bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại và hỗ trợ chi phí di dời tài sản. Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện nên cần đình chỉ giải quyết đối với nội dung này.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quang T, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[3.1] Đối với yêu cầu hỗ trợ theo loại đất hiện trạng đang sử dụng bằng 80% theo giá đất tại bảng giá đất do UBND tỉnh quy định:

Vườn cà phê diện tích 4.958,9 m² của ông Nguyễn Quang T có nguồn gốc do Nhà nước giao cho Công ty Chăn nuôi quản lý (sau này là Công ty chế biến nông sản thực phẩm xuất khẩu Đ). Năm 1998, bà Trần Thị B1 ký hợp đồng liên kết trồng cà phê với Công ty Chăn nuôi Đ với diện tích 6.700m², có thời hạn 20 năm kể từ năm 1998. Ngày 23/02/2006, bà Trần Thị B1 mua trúng đấu giá tài sản là vườn cà phê (gồm 672 cây cà phê). Tại Quyết định bán đấu giá tài sản thể hiện chỉ bán tài sản, không bao gồm quyền sử dụng đất. Đến ngày 20/11/2006,

bà Trần Thị B1 chuyển nhượng vườn cà phê cho ông Nguyễn Quang T với diện tích 4.700m² và ông T sử dụng ổn định cho đến nay. Do đó, theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 20 Quyết định 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đắk Lắk, thời điểm sử dụng đất được tính từ năm 1998.

Tại điểm b khoản 2 Điều 20 Quyết định 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đắk Lắk quy định:

“2. Đối với người đang sử dụng đất nông nghiệp bị thu hồi đất mà không đủ điều kiện bồi thường về đất theo quy định Luật Đất đai, không thuộc trường hợp sử dụng đất vượt hạn mức theo Điều 129, Điều 130 Luật Đất đai năm 2013 và không được hỗ trợ theo điểm a, b khoản 2 Điều 83 Luật Đất đai năm 2013 mà không thuộc đối tượng quy định tại khoản 3 Điều này thì được hỗ trợ theo loại đất hiện trạng đang sử dụng, diện tích được hỗ trợ không vượt quá hạn mức giao đất, cụ thể như sau:

.....

b) Thời điểm sử dụng đất từ ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004: Được hỗ trợ bằng 80% theo giá đất tại bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định;”

Do đó, đất ông T đủ điều kiện được hỗ trợ bằng 80% theo giá đất tại bảng giá đất do UBND tỉnh quy định theo loại đất hiện trạng đang sử dụng, diện tích được hỗ trợ không vượt quá hạn mức giao đất. Quyết định số 9805/QĐ-UBND không hỗ trợ theo loại đất hiện trạng là chưa phù hợp.

[3.2] Đối với yêu cầu bồi thường các tài sản, công trình kiến trúc, cây trồng gắn liền với đất tạo lập trước khi có Thông báo thu hồi đất:

Ngày 15/01/2007, UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 94/QĐ-UBND về việc thu hồi 48.395,7 m² đất của Công ty Chăn nuôi, giao UBND thành phố B quản lý theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng. Trên thực tế, ông Nguyễn Quang T vẫn sử dụng đất. Đến ngày 18/12/2020, UBND thành phố B mới ban hành Thông báo thu hồi đất. Quyết định thu hồi đất không được niêm yết tại trụ sở UBND cấp xã nơi có đất bị thu hồi. Dẫn đến hộ ông T không biết việc đất bị thu hồi mà vẫn canh tác, tạo lập tài sản trên đất. Quá trình sử dụng đất, hộ ông T cũng không bị chính quyền địa phương nhắc nhở hay lập biên bản, xử phạt vi phạm hành chính về đất đai. Do đó các tài sản trên đất mà hộ ông T tạo lập thêm đến khi có Thông báo thu hồi đất (ngày 18/12/2020) đều hợp pháp. Việc UBND thành phố B xác định các tài sản này được tạo lập sau khi có quyết định thu hồi đất nên không được bồi thường theo khoản 2 Điều 92 Luật Đất đai năm 2013 là không đúng.

Tại đoạn 2 điểm b khoản 4; đoạn 2 điểm b khoản 5 Quyết định 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đắk Lắk quy định:

“4. Hỗ trợ nhà, công trình xây dựng không đủ điều kiện bồi thường trừ các trường hợp tại điểm c khoản này thì được hỗ trợ như sau:

b) Nhà, công trình không phục vụ sinh hoạt của hộ gia đình cá nhân được hỗ trợ như sau:

- Xây dựng gắn liền với đất không đủ điều kiện bồi thường về đất hỗ trợ bằng 80% đối với trường hợp xây dựng trước ngày 01/7/2004; 60% đối với trường hợp xây dựng từ ngày 01/7/2004 đến trước ngày 01/7/2014; 30% đối với trường hợp xây dựng từ ngày 01/7/2014 đến trước ngày có thông báo thu hồi đất theo giá trị còn lại.

5. Cây trồng gắn liền với đất không đủ điều kiện bồi thường được trồng trước khi có thông báo thu hồi đất được hỗ trợ như sau:

b) Thời điểm sử dụng đất từ ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004 hỗ trợ bằng 80% giá trị bồi thường theo đơn giá quy định hiện hành.”

Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu này của ông Nguyễn Quang T.

[3.3] Đối với yêu cầu Hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất; Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm:

Hộ gia đình ông Nguyễn Quang T không thuộc một trong các trường hợp quy định tại điểm a, b, c, d, đ, e, g khoản 1 Điều 19 và khoản 1 Điều 20 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ (được sửa đổi tại Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017) nên không được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo Điều 17, Điều 18 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đắk Lắk.

[3.4] Đối với yêu cầu hỗ trợ chấp hành tốt việc bàn giao mặt bằng.

Ngày 30/6/2022, đại diện Trung tâm phát triển quỹ đất, Ban quản lý dự án Đầu tư và Xây dựng, Ủy ban nhân dân phường lập biên bản về việc ông Nguyễn Quang T tự nguyện bàn giao mặt bằng. Biên bản có nêu: Khi có Phương án được phê duyệt chính thức thì các hộ dân sẽ nhận tiền sau. Do đó, ông T được hỗ trợ chấp hành tốt việc bàn giao mặt bằng theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 20 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đắk Lắk.

[4] Từ những phân tích, nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quang T, hủy một phần Quyết định số 9805 đối với phần bồi thường của hộ ông Nguyễn Quang T về nội dung không hỗ trợ về đất, không hỗ trợ các tài sản tạo lập trước khi có Thông báo thu hồi đất, và không hỗ trợ chấp hành tốt việc bàn giao mặt bằng để UBND thành phố B ban hành lại Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất mới theo đúng quy định của pháp luật.

[5] Về án phí: Do được chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện, nên người

khởi kiện không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. UBND thành phố B phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 30; Điều 32; Điều 115; Điều 116; Điều 143; Điều 165; điểm b khoản 2 Điều 193 và Điều 206 của Luật Tổ tụng hành chính;

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 83, Điều 84, Điều 88, Điều 89, Điều 90 Luật Đất đai năm 2013; Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều, khoản của Luật Đất đai về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Nghị định số 01/2017//NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ quy định về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai; khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quang T.

1.1. Hủy một phần Quyết định số 9805/QĐ-UBND ngày 28/11/2022 của UBND thành phố B, về việc phê duyệt phương án bổ sung hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện phương án hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư Tổ dân phố 12, phường A, thành phố B (Khu chăn nuôi cũ 6,2ha – Đợt 2) phần nội dung không hỗ trợ về đất, không hỗ trợ vật kiến trúc, cây trồng trên đất tạo lập sau khi có quyết định thu hồi đất số 94/QĐ-UBND ngày 15/01/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk, đối với hộ ông Nguyễn Quang T.

1.2. Buộc Ủy ban nhân dân thành phố B phải ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung khi Nhà nước thu hồi đất cho hộ ông Nguyễn Quang T về nội dung: Hỗ trợ về đất; Hỗ trợ vật kiến trúc, cây trồng trên đất tạo sau khi có quyết định thu hồi đất số 94/QĐ-UBND ngày 15/01/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk; hỗ trợ chấp hành tốt việc bàn giao mặt bằng theo đúng quy định của pháp luật.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quang T về việc buộc UBND thành phố B hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm,

3. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quang T về việc buộc UBND thành phố B bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại và hỗ trợ chi phí di chuyển tài sản.

4. Về án phí:

- Ủy ban nhân dân thành phố B phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính sơ thẩm.

- Ông Nguyễn Quang T được nhận lại số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà ông T đã nộp (bà H Ngin Êban nộp thay) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2022/0000754 ngày 01/02/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

5. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Lưu Thị Thu Hương